CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN TÀI CHÍNH DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Ngọc Lân	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Hoàng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên
Bà Lã Thị Lan	Ủy viên
Ông Hoàng Hữu Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Hữu Tâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Trung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Phạm Vũ Hoàng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hưng	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Trọng Thủy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN TÀI CHÍNH DẦU KHÍ VIỆT NAM

Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 185 /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ngày 17 tháng 11 năm 2010 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo đó, năm 2010 Công ty không phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên năm 2010 đã được soát xét. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét theo quy định của Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, do đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 là số liệu chưa được soát xét.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Nguyễn Thanh Hương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1415/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2011
Hà Nội,CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán.Tư vấn Thuế.Tư vấn Tài chính.Tư vấn Giải pháp.

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**145.851.983.501**	**514.666.246.193**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**16.652.257.744**	**10.342.795.111**
1.Tiền	111		10.752.257.744	6.342.795.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.900.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**9.135.000.000**	**54.135.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	9.135.000.000	54.135.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**105.386.236.910**	**179.883.039.493**
1. Phải thu khách hàng	131		57.220.674.290	64.762.145.516
2. Trả trước cho người bán	132		7.704.766.800	42.091.383.390
3. Các khoản phải thu khác	135	7	40.460.795.820	73.029.510.587
IV. Hàng tồn kho	**140**		**7.897.093.371**	**262.335.800.407**
1. Hàng tồn kho	141	8	7.897.093.371	262.335.800.407
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.781.395.476**	**7.969.611.182**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		352.840.411	351.371.223
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.466.278.678	6.332.491.949
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.962.276.387	1.285.748.010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	**200**		**577.367.166.900**	**512.577.841.492**
I Tài sản cố định	**220**		**253.617.644.047**	**112.994.038.725**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.934.576.633	3.440.900.093
- Nguyên giá	*222*		*6.471.222.961*	*6.460.322.961*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.536.646.328)*	*(3.019.422.868)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		44.455.231	68.883.861
- Nguyên giá	*228*		*185.846.000*	*185.846.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(141.390.769)*	*(116.962.139)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	250.638.612.183	109.484.254.771
II. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**40.727.298.225**
- Nguyên giá	*241*		-	42.258.613.724
- Giá trị hao mòn lũy kế	*242*		-	(1.531.315.499)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**323.558.066.866**	**358.479.302.274**
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	332.558.066.866	358.479.302.274
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(9.000.000.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**191.455.987**	**377.202.268**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		181.455.987	367.202.268
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**723.219.150.401**	**1.027.244.087.685**

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**171.036.370.774**	**449.043.997.922**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**164.818.339.344**	**237.998.890.820**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	75.600.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		3.152.263.895	14.043.925.254
3. Người mua trả tiền trước	313		531.000.000	35.514.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.520.602.877	3.844.984.122
5. Phải trả người lao động	315		1.581.565.729	2.442.725.041
6. Chi phí phải trả	316		101.799.752	9.884.894.930
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	76.585.074.604	167.293.293.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.746.032.487	4.975.067.514
II. Nợ dài hạn	**330**		**6.218.031.430**	**211.045.107.102**
1. Phải trả dài hạn khác	333		184.190.795	186.854.795
2. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.033.840.635	188.237.931.453
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	22.620.320.854
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**552.182.779.627**	**578.200.089.763**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**552.182.779.627**	**578.200.089.763**
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.709.262.972	5.663.475.179
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.663.475.179	5.663.475.179
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.569.696.235	763.908.442
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.240.345.241	66.109.230.963
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**723.219.150.401**	**1.027.244.087.685**

S.Đ.K.K.D: 0102293517 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN TÀI CHÍNH DẦU KHÍ VIỆT NAM
H. TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**346.846.370.179**	**8.799.129.016**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**		**346.846.370.179**	**8.799.129.016**
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		318.742.666.248	7.620.437.237
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**28.103.703.931**	**1.178.691.779**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	32.847.597.070	222.634.689.607
6. Chi phí tài chính	22	18	10.387.925.777	24.615.548.022
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.329.592.444*	*24.615.548.022*
7. Chi phí bán hàng	24		-	61.642.561
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.311.320.849	10.602.414.142
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**37.252.054.375**	**188.533.776.661**
10. Thu nhập khác	31		200.975.444	2.545.818
11. Chi phí khác	32		-	630.852
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**200.975.444**	**1.914.966**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**37.453.029.819**	**188.535.691.627**
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	8.113.339.955	47.133.922.907
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập (60=50-51)	**60**		**29.339.689.864**	**141.401.768.720**
- Trong đó:				
+ Lợi nhuận của Công ty			*29.339.689.864*	*69.580.507.311*
+ Lợi nhuận sau thuế phân chia theo Hợp đồng nhận ủy thác đầu tư			-	*71.821.261.409*
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	587	1.392

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN TÀI CHÍNH DẦU KHÍ VIỆT NAM
S.Đ.K.K.D: 01022... - C.T.C.P - H. TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***37.453.029.819***
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	02	541.652.090
Các khoản dự phòng	03	9.000.000.000
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(41.378.912.569)
Chi phí lãi vay	06	1.329.592.444
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***6.945.361.784***
(Tăng) các khoản phải thu	09	(29.827.367.714)
Giảm hàng tồn kho	10	254.438.707.036
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(179.917.003.319)
Giảm chi phí trả trước và khác	12	1.188.215.706
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.496.441.736)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.716.251.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**28.615.220.129**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	21	(161.639.595.595)
2.Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.000.000.000
3.Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(10.056.219.137)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	28.147.057.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(97.548.757.496)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	108.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.000.000.000)
3. Chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối	36	(357.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**75.243.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**6.309.462.633**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**10.342.795.111**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**16.652.257.744**

Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ được trình bày ở Thuyết minh số 22 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN TÀI CHÍNH DẦU KHÍ VIỆT NAM

Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Nguyễn Công Thành
Kế toán trưởng

Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017950 ngày 15 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sàn chứng khoán Hà Nội (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) vào ngày 17 tháng 11 năm 2010 với mã giao dịch PFL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 133 (31 tháng 12 năm 2010: 143).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ cho các công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng cơ sở;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khucông nghệ cao;
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường (không bao gồm các dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổng thầu EPC các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, môi trường;
- Uỷ thác và nhận uỷ thác đầu tư;
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ loại khoán sản Nhà nước cấm);
- Mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu và các hoạt động khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh điện năng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với cácước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giátrừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo tỷ lệ khấu hao hàng năm, cụ thể như sau:

	từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	6 -10
Dụng cụ quản lý	3 - 5

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm văn phòng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh. Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản sau đây:

- Các khoản ủy thác quản lý vốn theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn có thời hạn nhất định và được ghi nhận theo giá gốc. Khoản ủy thác được hưởng lãi suất cố định trong thời hạn ủy thác.
- Các khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư, được ghi nhận trên cơ sở giá gốc cộng các khoản phí ủy thác đầu tư.
- Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ, và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn để xem xét lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Tuy nhiên, Công ty chưa thu thập được đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty cổ phần mà Công ty có góp vốn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn không bị suy giảm do hầu hết các khoản đầu tư mới đang ở giai đoạn bắt đầu triển khai dự án, các khoản lỗ (nếu có) nằm trong kế hoạch và không đáng kể. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn mà Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Lãi từ các khoản ủy thác quản lý vốn được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng ủy thác và các thỏa thuận chuyển vốn ủy thác đầu tư.
- Doanh thu từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận trên cơ sở quyết định chia lãi của các công ty con, công ty liên kết và các công ty cổ phần.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	2.795.482.117	2.426.854.523
Tiền gửi ngân hàng	7.956.775.627	3.915.940.588
Các khoản tương đương tiền	5.900.000.000	4.000.000.000
	16.652.257.744	**10.342.795.111**

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Hà Quang	-	40.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	5.000.000.000
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	9.135.000.000	9.135.000.000
	9.135.000.000	**54.135.000.000**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.749.059.089	30.982.657.605
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	36.942.483.601
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	32.887.832.990	-
Phải thu khác	2.823.903.741	5.104.369.381
	40.460.795.820	**73.029.510.587**

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	411.093.371	254.849.800.407
Hàng hóa (*)	7.486.000.000	7.486.000.000
	7.897.093.371	**262.335.800.407**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**7.897.093.371**	**262.335.800.407**

(*) Hàng hóa phản ánh giá trị của 04 căn hộ chung cư Hoàng Tháp mà Công ty đã nhận bàn giao từ bên bán và nắm giữ cho mục đích bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	96.671.429	4.989.444.779	1.374.206.753	6.460.322.961
Tăng trong kỳ	-	-	10.900.000	10.900.000
Tại ngày 30/6/2011	**96.671.429**	**4.989.444.779**	**1.385.106.753**	**6.471.222.961**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	21.071.238	1.948.674.068	1.049.677.562	3.019.422.868
Khấu hao trong kỳ	11.700.481	411.150.018	94.372.961	517.223.460
Tại ngày 30/6/2011	**32.771.719**	**2.359.824.086**	**1.144.050.523**	**3.536.646.328**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	**63.899.710**	**2.629.620.693**	**241.056.230**	**2.934.576.633**
Tại ngày 31/12/2010	**75.600.191**	**3.040.770.711**	**324.529.191**	**3.440.900.093**

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	**109.484.254.771**
Tăng trong kỳ	164.731.018.399
Chuyển nhượng dự án Tòa nhà văn phòng Tập đoàn Dầu khí tại Thanh Hóa	(23.576.660.987)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	**250.638.612.183**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất trong tương lai thuộc Dự án Tòa nhà hỗn hợp tại Hải Phòng để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Ủy thác Đầu tư tại Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (a)	51.590.909.092	84.804.000.000
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	*51.590.909.092*	*50.454.545.455*
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	-	*34.349.454.545*
Ứng vốn cho dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Hoàng Liên (b)	6.000.000.000	7.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tây Hà Nội (c)	3.000.000.000	3.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt (d)	26.000.000.000	26.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng (e)	15.000.000.000	15.000.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu Khí (f)	3.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư vào Dự án Nam An Khánh (g)	50.953.203.651	50.953.203.651
Góp vốn đầu tư vào Dự án Golden Palace (h)	20.049.750.000	20.049.750.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Long Sơn Riverside (i)	9.539.048.889	9.539.048.889
Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM (j)	25.503.395.500	24.211.540.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza (k)	51.054.259.734	51.054.259.734
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dragon City (l)	26.867.500.000	26.867.500.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Hạ tầng khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cửu Long (m)	44.000.000.000	40.000.000.000
	332.558.066.866	**358.479.302.274**

a. Là các khoản đầu tư Công ty chịu rủi ro/hưởng thu nhập, bao gồm:

- Khoản tiền ủy thác đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để mua cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng và Đô thị Dầu khí theo Hợp đồng ủy thác số 11/2007/HDUTĐT-PVFC-PVFC Land ngày 23 tháng 11 năm 2007 với giá trị ủy thác theo hợp đồng là 50.000.000.000 VND, thời hạn ủy thác 36 tháng, số tiền đã ủy thác tính đến 30 tháng 6 năm 2011 là 50.000.000.000 VND, phí ủy thác đầu tư là 1.590.909.092 VND.

- Khoản tiền ủy thác đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam để mua cổ phần Công ty Cổ phần Mỹ Phúc theo Hợp đồng ủy thác số 26/2009/HDUTĐT/PVFC-PVFC Land ngày 13 tháng 3 năm 2009, giá trị ủy thác theo hợp đồng là 34.040.000.000 VND, thời hạn ủy thác 36 tháng, số tiền đã ủy thác tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 34.040.000.000 VND, phí ủy thác đầu tư là 309.454.545 VND. Khoản ủy thác đầu tư này đã được thanh lý trong tháng 6 năm 2011.

b. Khoản tiền ứng vốn cho Công ty Cổ phần Hoàng Liên được thực hiện trên cơ sở Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư xây dựng Dự án "Cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng" ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hoàng Liên ngày 29 tháng 11 năm 2007. Theo Biên bản thỏa thuận này, Công ty ứng cho Công ty Cổ phần Hoàng Liên với số tiền là 6.000.000.000 VND để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư và khoản tiền ứng trước này sẽ được tính vào vốn góp của Công ty sau khi hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

c. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tây Hà Nội với tổng số tiền là 3.000.000.000 VND tương đương 11,9% vốn điều lệ.

d. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt với tổng số tiền là 26.000.000.000 VND, tương đương 6% vốn điều lệ.

e. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng với tổng số tiền là 15.000.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ.

f. Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí với tổng số tiền là 3.000.000.000 VND, tương đương 6% vốn điều lệ.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

g. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào "Dự án khu chung cư cao cấp dịch vụ hỗn hợp - khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" theo Hợp đồng số 2607/HĐCNVG-PVFC Land - IMICO ngày 26 tháng 7 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO.

h. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào dự án "Tổ hợp văn phòng, thương mại và chung cư cao cấp Golden Palace tại xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội" theo Hợp đồng số 01/PVFCLAND-VĐ ngày 15 tháng 7 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Việt Đức. Theo nội dung hợp đồng, Công ty tiến hành đầu tư vào dự án và sau khi dự án thực hiện xong Công ty sẽ được phân chia sản phẩm của dự án với tổng diện tích sàn là 2,000 m^2.

i. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào dự án "Chung cư Long Sơn Riverside tại 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVIS-PETROLAND-PVFCLAND ngày 08 tháng 06 năm 2010 ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Khang Thông, Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí - IDICO Long Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Theo nội dung hợp đồng, bốn (4) bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát trên khu đất có diện tích 4,863 m^2 tại 1351 đường Huỳnh Tấn Phát. Khi dự án hoàn thành, Công ty được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

j. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào dự án "Đầu tư xây dựng nhà Chung cư BMM tại phường Phúc La, quận Hà Đông" theo Hợp đồng góp vốn số 117/2010/HĐGV ngày 30 tháng 3 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Hợp đồng góp vốn đầu tư số 20/2010/HĐGV-BMM ngày 24 tháng 3 năm 2010 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 21/2010/HĐGV-BMM ngày 25 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại BMM. Theo nội dung các hợp đồng này, Công ty có quyền được mua sàn các căn hộ tại chung cư BMM.

k. Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2011/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2011 ký giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID. Theo nội dung hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Cũng theo hợp đồng này, hai bên thống nhất thành lập pháp nhân mới để khai thác, kinh doanh và quản lý dự án chậm nhất là thời điểm hoàn thành xây dựng, bàn giao đưa vào sử dụng.

   Số tiền Công ty tự đầu tư vào dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội" tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 51.054.259.734 VND.

l. Khoản tiền góp vốn thực hiện đầu tư vào dự án "Dragon Petro Hill" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14/2010.HĐHTKD/PL-PVFC Land ngày 29 tháng 3 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long. Theo nội dung hợp đồng, Công ty tiến hành đầu tư vào dự án và khi dự án hoàn thành Công ty được phân chia sản phẩm, lợi nhuận và cùng chịu rủi ro theo tỷ lệ vốn góp.

m. Khoản tiền góp vốn để thực hiện đầu tư vào dự án "Đầu tư hạ tầng khu đô thị sinh thái và dịch vụ Cửu Long" theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2010/HĐHTKD/PVC5-PVFC Land ngày 26 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hòa Bình và Phụ lục số 01 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2010/HĐHTKD/PVC5-PVFC Land ngày 14 tháng 01 năm 2011. Theo nội dung của Phụ lục này , Công ty tiến hành đầu tư vào Dự án và khi Dự án được quyền chuyển nhượng, Công ty được quyền nhận chuyển nhượng đất của Dự án với diện tích đất ở là 110.000 m^2 và 20.000 m^2 với diện tích đất dịch vụ.

12. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh Hoàn Kiếm. Khoản vay chịu lãi suất 24,8%/năm. Lãi tiền vay được thanh toán haàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất lô CT5E tại khu đô thị mới Xuân Phương, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Khoản tín dụng bằng VND được rút một lần với tổng số tiền là 75.600.000.000 VND. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2011.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.474.971.573	3.778.868.966
Các loại thuế khác	45.631.304	66.115.156
	3.520.602.877	**3.844.984.122**

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	68.442.483.601
Các đối tượng khác	21.585.074.604	98.850.810.358
Cổ tức phải trả	55.000.000.000	-
	76.585.074.604	**167.293.293.959**

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay đầu tư vào Dự án 38A Lê Lợi, Thanh Hóa	-	26.259.885.960
Vay mua cổ phần của Công ty Cổ phần Mỹ Phúc	-	27.232.000.000
Vay đầu tư vào Dự án Khu tổ hợp Thương mại - Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa	-	129.251.392.662
Vay đầu tư dự án vào Tòa nhà hỗn hợp tại Hải Phòng (*)	6.033.840.635	5.494.652.831
	6.033.840.635	**188.237.931.453**

(*) Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2010	**500.000.000.000**	**194.750.883**	**1.617.687.386**	**1.617.687.386**	**25.017.811.154**	**528.447.936.809**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	152.737.017.273	152.737.017.273
Phân phối lợi nhuận	-	809.157.559	4.045.787.793	4.045.787.793	(14.564.836.055)	(5.664.102.910)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Phân chia theo Hợp đồng nhận ủy thác đầu tư	-	-	-	-	(71.821.261.409)	(71.821.261.409)
Giảm khác	-	(240.000.000)	-	-	(259.500.000)	(499.500.000)
Tại ngày 01/01/2011	**500.000.000.000**	**763.908.442**	**5.663.475.179**	**5.663.475.179**	**66.109.230.963**	**578.200.089.763**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	29.339.689.864	29.339.689.864
Phân phối lợi nhuận	-	4.045.787.793	4.045.787.793	-	(8.091.575.586)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(55.000.000.000)	(55.000.000.000)
Giảm khác		(240.000.000)	-	-	(117.000.000)	(357.000.000)
Tại ngày 30/6/2011	**500.000.000.000**	**4.569.696.235**	**9.709.262.972**	**5.663.475.179**	**32.240.345.241**	**552.182.779.627**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được các chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
			30/6/2011	31/12/2010
	'000 VND	%	'000 VND	'000 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	152.515.750	31	168.534.750	152.515.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	65.000.000	13	65.000.000	65.000.000
Công ty TNHH Địa ốc Phú Long	60.000.000	12	33.960.000	33.960.000
Bà Hà Thị Thông	10.000.000	2	10.000.000	10.000.000
Các cổ đông khác	212.484.250	42	222.505.250	238.524.250
	500.000.000	**100**	**500.000.000**	**500.000.000**

Cổ tức và các quỹ

Ngày 16 tháng 4 năm 2011, tại Nghị quyết số 08/04-2011/NQ-ĐHĐCĐ Đại hộ đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Cổ tức được chia	55.000.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	8.091.575.586 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	4.045.787.793 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.664.102.910 VND
- Trính quỹ thưởng ban điều hành	809.157.559 VND
- Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	259.500.000 VND

Trong năm 2010 Công ty đã tạm trích các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010. Ngày 16 tháng 4 năm 2011 khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010, Công ty xác định số tiền các quỹ được trích thêm và hạch toán vào báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Số cổ tức được chia (55 tỷ VND) đã được hạch toán vào tài khoản cổ tức phải trả nhưng chưa chi trả tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn	355.634.584	2.333.955.557
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.077.648.031	6.362.147.383
Chuyển nhượng phần vốn góp ở dự án Nam An Khánh	-	207.075.420.000
Chuyển nhượng vốn góp ở Công ty Bất động sản Tài chính Dầu khí Hà Quang	18.000.000.000	6.863.166.667
Chuyển nhượng cổ phần công ty Mỹ Phúc	8.414.644.455	-
Cổ tức nhận được từ công ty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4.999.670.000	-
	32.847.597.070	**222.634.689.607**

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí lãi trả chậm vốn ủy thác và lãi vay dài hạn	1.329.592.444	24.615.548.022
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.000.000.000	-
Chi phí tài chính khác	58.333.333	-
	10.387.925.777	**24.615.548.022**

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	37.453.029.819	188.535.691.627
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.999.670.000	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	
Thu nhập chịu thuế	**32.453.359.819**	**188.535.691.627**
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**8.113.339.955**	**47.133.922.907**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**8.113.339.955**	**47.133.922.907**

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	37.453.029.819	188.535.691.627
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.999.670.000	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	
Thu nhập chịu thuế	**32.453.359.819**	**188.535.691.627**
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**8.113.339.955**	**47.133.922.907**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**8.113.339.955**	**47.133.922.907**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.339.689.864	69.580.507.311
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	587	1.392

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ là 884.582.462 VND. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	1.366.655.885	1.282.496.790
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	575.585.833	907.163.061
Sau năm năm	-	240.594.167
	1.942.241.718	**2.430.254.018**

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện :

1. Khoản thuê văn phòng Công ty tại Số 9 Nhà CT5, khu Đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, bao gồm 2 hợp đồng sau:
   - Hợp đồng số 04/2007/HĐKT, ngày 31 tháng 5 năm 2007 ký giữa Công ty và Ông Trần Văn Hải về việc thuê căn hộ số 110 và 210 Chung cư cao tầng CT5, khu Đô thị Mễ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội. Tổng diện tích là 222,6m2, thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 3 tháng 5 năm 2007, với giá tiền thuê là 6 USD/m2/tháng. Sau thời hạn thuê như trên, hợp đồng tự động gia hạn thêm 2 năm, giá tiền thuê mỗi năm tăng 5%.
   - Hợp đồng số 20/2007/HĐKT, ngày 01 tháng 11 năm 2007 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà về việc thuê ki ốt số 9, chung cư cao tầng CT5, khu Đô thị Mễ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội. Tổng diện tích thuê là 268m2, thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2007, với giá tiền thuê là 90.000 đồng/m2/tháng. Sau thời hạn thuê như trên, hợp đồng tự động gia hạn thêm 2 năm, giá tiền thuê mỗi năm tăng 5%.
2. Hợp đồng số 04/2010/HĐTN ngày 22 tháng 6 năm 2010 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và Ông Phạm Vũ Vinh Quang về việc thuê căn hộ số 117 và 217 Chung cư cao cao tầng CT5, khu đô thị Mễ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội với tổng diện tích là 195m2, thời hạn thuê là 3 năm tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2010, giá tiền thuê chưa bao gồm thuế lần lượt là 1.500 USD/tháng và 1.000 USD/tháng .

22. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC PHI TIỀN TỆ

Tiền vay phải trả, công nợ phải trả được bù trừ với các khoản phải thu từ chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng cổ phần ... với số tiền là 216.837.439.387 VND. Theo đó nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến biến động của tiền cũng như không được ghi nhận như một phần của khoản tiền thu hồi các khoản phải thu/tiền chi trả các khoản phải trả.

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu tài chính		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	355.634.584	95.333.331
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	2.333.955.557
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	26.444.444	1.597.915.556
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4.999.670.000	-
Chi phí tài chính		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	1.307.892.444	24.133.436.911
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.087.175.716	648.919.652

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Góp vốn hợp tác đầu tư		
Công ty Cổ phần đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình	44.000.000.000	40.000.000.000
Các khoản ủy thác đầu tư/quản lý vốn tại		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	51.590.909.092	84.040.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	5.000.000.000
Phải thu		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.749.059.089	30.982.657.605
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	59.118.278.345	-
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	256.680.415.054
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	-	22.620.320.854
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	27.232.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	6.033.840.635	161.005.931.453

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 17 tháng 11 năm 2010 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo đó, năm 2010 Công ty không phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên năm 2010 đã được soát xét. Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét theo quy định của Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, do đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 là số liệu chưa được soát xét.

Đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp, do đó, báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN TÀI CHÍNH DẦU KHÍ VIỆT NAM

Hoàng Hữu Tâm	**Nguyễn Công Thành**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**

Ngày 12 tháng 8 năm 2011